

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/KDTM-ST**

Ngày: 29 - 6 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp

2. Ông Huỳnh Tiến Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty C, địa chỉ: Số 26 - 27 Lô I, đường K, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Xuân L, sinh năm 1988; địa chỉ: Xí nghiệp Bê tông C Bình Dương đường D1, Khu công nghiệp 1, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 08/12/2021), có mặt.

2. Bị đơn: Công ty T; địa chỉ: Số 40/34A đường L, phường B, quận T, Thành phố M, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/5/2019, Công ty C và Công ty T ký hợp đồng mua bán số 02ĐL/HĐMB2019 về việc mua bán bê tông tươi, bê tông trộn sẵn và dịch

vụ bơm bê tông cho công trình Nhà xưởng Nam Sơn - Khu công nghiệp 3, Bình Dương của Công ty T.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã giao bê tông và bơm bê tông cho công trình của Công ty T đúng theo yêu cầu về số lượng và chất lượng. Từ ngày 16/5/2019 - ngày 16/7/2019, Công ty C đã bán và bơm bê tông cho Công ty T tổng số tiền là 139.145.000 đồng. Công ty T đã thanh toán cho Công ty C được số tiền 127.145.000 đồng, còn nợ lại số tiền 12.000.000 đồng chưa thanh toán.

Công ty C nhiều lần gọi điện, gửi văn bản yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn lại nhưng Công ty T không thanh toán. Do đó, Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T thanh toán số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 15/8/2019 - ngày 14/3/2022 là 12.000.000 đồng x 0,05%/ngày x 939 ngày = 5.634.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 16.950.000 đồng.

Công ty C giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty C đăng ký lần đầu ngày 26/3/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 16/3/2021 (bản sao y bản chính); Giấy ủy quyền của Công ty C cho ông Lưu Xuân L (bản chính) + Giấy CMND của ông L (bản photo); Hợp đồng mua bán số 02ĐL/HĐMB ngày 16/5/2019 giữa Công ty T và Công ty C (bản photo); Phiếu giao nhận bê tông ngày 16/5/2019 (03 phiếu), ngày 18/5/2019 (01 phiếu), ngày 21/5/2019 (02 phiếu), ngày 23/5/2019 (01 phiếu), ngày 25/5/2019 (01 phiếu), ngày 05/6/2019 (02 phiếu), ngày 21/6/2019 (07 phiếu), ngày 24/6/2019 (01 phiếu), ngày 26/6/2019 (01 phiếu), ngày 12/7/2019 (04 phiếu) và ngày 16/7/2019 (01 phiếu) (tất cả là bản photo); 01 Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/5/2019 của Công ty C (bản chính); 01 Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 15/6/2019 của Công ty C (bản chính); 02 Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/6/2019 của Công ty C (bản chính); 02 Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 15/7/2019 của Công ty C (bản chính); 01 Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/7/2019 của Công ty C (bản chính).*

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty T không đến Tòa án trình bày sự việc, giao nộp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.*

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền nợ gốc, không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án; thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi và mức lãi suất. Tiền lãi tính từ ngày 15/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/6/2022) là: 12.000.000 đồng x 0,03%/ngày x 1.040 ngày = 3.744.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là: 15.744.000 đồng.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa, do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1, Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Về thẩm quyền, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi Công ty C đặt trụ sở (Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một) để giải quyết tranh chấp là phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa chấp nhận. Về thời hiệu khởi kiện do bị đơn không có yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện nên tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho Công ty T biết về việc thụ lý vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty T không đến, không có ý kiến phản bác lại ý kiến và các tài liệu, chứng cứ do Công ty C giao nộp. Do vậy, ý kiến và các tài liệu, chứng cứ do Công ty C giao nộp thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Ngày 16/5/2019, Công ty C và Công ty T ký hợp đồng mua bán số 02ĐL/HĐMB2019 về việc mua bán bê tông tươi, bê tông trộn sẵn và dịch vụ bơm bê tông cho công trình nhà xưởng S - KCN 3, Bình Dương của Công ty T. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty C đã thực hiện đúng thỏa thuận, giao hàng hóa (bê tông) đầy đủ cho Công ty T, thể hiện tại các phiếu giao nhận bê tông ngày 16/5/2019 (03 phiếu), ngày 18/5/2019 (01 phiếu), ngày 21/5/2019 (02 phiếu), ngày 23/5/2019 (01 phiếu), ngày 25/5/2019 (01 phiếu), ngày 05/6/2019 (02 phiếu), ngày 21/6/2019 (07 phiếu), ngày 24/6/2019 (01 phiếu), ngày 26/6/2019 (01 phiếu), ngày 12/7/2019 (04 phiếu), ngày 16/7/2019 (01 phiếu); các hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/5/2019, 15/6/2019, 30/6/2019, 15/7/2019, 31/7/2019 của Công ty C cho Công ty T và bảng chi tiết giao dịch chuyển tiền của Công ty T cho Công ty C ngày 24/6/2019 và ngày 22/8/2019 của Ngân hàng TMCP P Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương thể hiện, Công ty T đã thanh toán số tiền 127.145.000 đồng cho Công ty C. Từ ngày Công ty C xuất hóa đơn cuối cùng (ngày 31/7/2019), Công ty T còn nợ lại số tiền 12.000.000 đồng nhưng không thanh toán. Do đó, Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty T trả số tiền nợ trên là phù hợp Điều 50 Luật Thương mại nên Tòa chấp nhận.

Về yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả, xét thấy: Tại khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng mua bán bê tông số 02ĐL/HĐMB2019 ngày 16/5/2019, các bên thỏa thuận: “...*Trong trường hợp quá 05 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán nêu trên mà bên B (Công ty T) vẫn chưa thanh toán cho bên A (Công ty C) thì bên B phải chịu phạt 0,05%/ngày trên số tiền bên B chậm thanh toán...*”. Tại phiên tòa, Công ty C yêu cầu Công ty T trả tiền phạt lãi chậm trả với mức 0,03%/ngày, tương đương 0,9%/tháng và 10,8%/năm. Mức lãi suất trên thấp hơn mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp Điều 306 Luật Thương mại nên Tòa chấp, buộc Công ty T thanh toán cho Công ty C số tiền lãi 3.744.000 đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C được Tòa án chấp nhận. Công ty C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 92, các điều 146, 184, 227, 228, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 24, 50, 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C đối với Công ty T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty T trả cho Công ty C số tiền 15.744.000 đ (mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), bao gồm: 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) tiền nợ gốc và 3.744.000đ (ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) tiền lãi tính từ ngày 15/8/2019 - ngày 29/6/2022 theo Hợp đồng mua bán số 02ĐL/HĐMB2019 ngày 16/5/2019 giữa Công ty C và Công ty T.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty T nộp số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một trả lại Công ty C số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000762 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình